

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày: 05 - 03 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Ngọc Ba**

2. Bà **Lê Thị Trúc Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Dương Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986 tại huyện T, Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp G, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 02; dân tộc: Kinh; giới tính: nam ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam ; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ph; tiền sự: ngày 30/8/2019, bị Chủ tịch UBND xã Th, huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (trước đó, về nhân thân, ngày 16/3/2016, bị Trưởng Công an xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi *trộm cắp tài sản*); tiền án: ngày 17/01/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/8/2017 (trước đó, về nhân thân, ngày 26/7/2005, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù, về tội *Trộm cắp tài sản*, chấp hành xong ngày 26/01/2006; ngày 19/12/2008, bị Tòa án nhân dân huyện T, xử phạt 02 năm

tù, về tội *Hủy hoại tài sản*, chấp hành xong ngày 27/7/2010). Bị bắt ngày 15/10/2019 tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1957: vắng mặt

Địa chỉ: số 129 đường Hồ Trung Th, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Lữ Nhựt Tr, sinh năm 1987: vắng mặt

Địa chỉ: ấp G, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1976: vắng mặt

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1967: có mặt

Địa chỉ: ấp G, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Lê Thị Mộng T, sinh năm 1977: có mặt

Địa chỉ: khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trần Thị T, sinh năm 1969: có mặt

Địa chỉ: khu 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Nguyễn Văn C, sinh năm 1968: vắng mặt

Địa chỉ: ấp G, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Văn M, sinh năm 1965: có mặt

Địa chỉ: ấp G, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2. Trần Văn Kh, sinh năm 1972: vắng mặt

Địa chỉ: khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

3. Huỳnh Văn N (Ru), sinh năm 1987: vắng mặt

Địa chỉ: khu 10 A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

4. Trần Thị R, sinh năm 1947: vắng mặt

Địa chỉ: ấp G, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

5. Đặng Văn Bé T, sinh năm 1971: vắng mặt

Địa chỉ: ấp Vĩnh Sơn, xã Hựu Thành, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Tr biết nhà bà Nguyễn Thị Cẩm V, gần cạnh nhà Trung không có người ở nhà, từ đó nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà Vân tìm tài sản lấy trộm nên khoảng 23 giờ ngày 12/8/2019, Trung đi đến nhà bà Vân mở cửa sau đi vào nhà, Trung gỡ 01 cánh cửa bằng kim loại nhôm của phòng ngủ và 01 cánh cửa bằng kim loại nhôm của phòng vệ sinh đem về nhà Trung cất giấu. Đến khoảng 07 giờ ngày 13/8/2019, Trung kêu ông Trần Văn Kh sinh năm 1972 ngụ khu 6, thị trấn T làm nghề chạy xe honda khách chở Trung đi bán 02 cánh cửa nhôm tại vựa phế liệu của bà Trần Thị T, sinh năm 1969 ngụ khu 8, thị trấn T được số tiền 218.000đ (*Hai trăm mười tám nghìn đồng*), Trung tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày ông Lê Văn M, sinh năm 1965 ngụ ấp G, xã Th là em rể của bà Vân phát hiện nhà bà Vân bị mất trộm nên trình báo Công an. Qua làm việc thì Nguyễn Văn Tr đã thừa nhận hành vi lấy trộm trên.

Vật chứng thu giữ: 02 cánh cửa bằng kim loại nhôm màu trắng (gồm 01 cánh cửa có kích thước 68cm x179cm, cân nặng 5,8kg và 01 cánh cửa có kích thước 75cm x187cm, cân nặng 6,8kg) do bà Trần Thị T giao nộp.

Theo kết luận định giá tài sản số 53/KLHD-ĐGTS ngày 08/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T thì 02 cánh cửa bằng kim loại nhôm bị mất trộm vào ngày 12/8/2019 có giá trị là 1.650.411đ (*một triệu sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm mười một đồng*).

Do Nguyễn Văn Tr có 01 tiền án về trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên ngày 14 tháng 10 năm 2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Tr.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định được bị can Nguyễn Văn Tr còn thực hiện các vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 09/4/2019, Nguyễn Văn Tr rủ Dương Thanh Sang, sinh năm 1984 ngụ khu 6, thị trấn T đến xã Hựu Thành, huyện T tìm người thân để xin tiền mua ma túy sử dụng thì Sang đồng ý, Sang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64F1-079.38 chở Trung, khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1976 ngụ ấp Vĩnh Sơn, xã Hựu Thành thì Trung thấy phía trước nhà có nhiều kết bia Sài Gòn đỏ (*01 kết chứa 20 chai*) nên Trung nảy sinh ý định lấy trộm, Trung kêu Sang dừng xe lại sau đó Trung đi vào trước nhà lấy trộm 03 kết bia Sài Gòn đỏ đem ra xe để Sang chở đi được 01 đoạn thì bị người dân phát hiện đuổi theo bắt giữ cùng tang vật là 03 kết bia Sài Gòn đỏ, trong đó có 12 chai chưa sử dụng.

Theo kết luận định giá tài sản số 47/KLHD-ĐGTS ngày 21/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T: 01 kết bia Sài Gòn đỏ có giá bán là 140.000đ/01 kết 20

chai; 03 kết bia Sài Gòn đỏ đã sử dụng hết bia có giá 35.000đ/01 kết bia bằng số tiền 105.000đ; 12 chai bia chưa sử dụng có giá 7.000đ/01 chai bằng số tiền là 84.000đ. Kết luận tổng giá trị tài sản trong vụ trộm vào ngày 09/4/2019 có giá trị là 189.000đ (*một trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

- Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 26/8/2019 Nguyễn Văn Tr đến kho nhà sau của bà ngoại của Trung tên Trần Thị R, sinh năm 1947 ngụ ấp G, xã Th lấy trộm 01 vỏ bình ga màu xám, hiệu Petro, loại 13 kg của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (chị Loan là dì ruột của Trung), sau đó Trung đem vỏ bình ga đến vừa phế liệu thuộc thị xã Bình Minh nhưng không nhớ địa chỉ cụ thể bán được 80.000đ (*tám mươi nghìn đồng*), Trung mua ma túy sử dụng. Khoảng 11 giờ ngày 27/8/2019 Trung tiếp tục đi đến sau nhà bà Trần Thị R bắt trộm 01 con ngỗng mái lông màu trắng, trọng lượng 04kg của chị Lê Thị Mộng Tuyền, sinh năm 1977 (*chị Tuyền là dì ruột của Trung*) đem ra chợ T bán cho một người không quen được 160.000đ (*một trăm sáu mươi nghìn đồng*), Trung lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/8/2019 chị Tuyền phát hiện tài sản bị mất trộm nên trình báo Công an. Qua làm việc thì Nguyễn Văn Tr đã thừa nhận hành vi lấy trộm trên.

Theo kết luận định giá tài sản số 57/KLHD-ĐGTS ngày 06/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

+ 01 vỏ bình ga màu xám, loại 13kg có giá trị là 290.000đ (*hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

+ 01 con ngỗng mái lông màu trắng, trọng lượng 04kg có giá trị là 520.000đ (*năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản trong vụ trộm cấp nêu trên đến ngày 27/8/2019 có tổng giá trị là 810.000đ (*tám trăm mười nghìn đồng*).

- Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ ngày 11/10/2019 Nguyễn Văn Tr đi bộ đến phần đất sau nhà anh Lữ Nhựt Tr, sinh năm 1987 ngụ ấp G, xã Th lén lút nhỏ trộm 05 cây mai vàng của anh Trường (*gồm 01 cây mai vàng, có kích thước bề hoành gốc là 27cm, chiều cao 160cm; 01 cây mai vàng, có kích thước bề hoành gốc là 33cm, chiều cao 100cm; 01 cây mai vàng, có kích thước bề hoành gốc là 30cm, chiều cao 165cm; 01 cây mai vàng, có kích thước bề hoành gốc là 30cm, chiều cao 170cm và 01 cây mai vàng, có kích thước bề hoành gốc là 29cm, chiều cao 120cm*) đem về cất giấu sau nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày Trung điện thoại cho Huỳnh Văn N, sinh năm 1987 ngụ khu 10A, thị trấn T là bạn của Trung nhờ chạy xe đến cùng Trung chở 05 cây mai mà Trung lấy trộm bán

cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 ngụ ấp G, xã Th được 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*), Trung lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tang vật thu giữ: 05 cây mai vàng do anh Nguyễn Văn C giao nộp.

Theo kết luận định giá tài sản số 03/KLHD-ĐGTS ngày 06/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T thì 05 cây mai bị mất trộm ngày 12/10/2019 có giá trị là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*).

Ngày 08/01/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Tr về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSTÔ, ngày 05 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Nguyễn Văn Tr về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Trung khai nhận đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản đúng như kết luận điều tra và cáo trạng nêu, đồng thời xác định lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, việc truy tố là đúng tội, không oan. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra đều xác định: đã bị mất tài sản có giá trị như định giá nhưng đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu bị cáo bồi thường phần trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra yêu cầu bị cáo trả lại 600.000đ tiền mua 05 cây mai, bị cáo đồng ý trả lại theo yêu cầu. Xét chưa đủ cơ sở quy kết anh Cường phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác như quan điểm của Viện kiểm sát nên công nhận sự thỏa thuận, buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã nhận theo yêu cầu của anh Cường.

Những người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa trình bày đã phát hiện, bắt giữ bị cáo khi trộm kết bia ngày 09/4/2019 và thông báo cho người có tài sản việc mất tài sản hoặc chứng kiến việc bị cáo chở tài sản bán như kết luận điều tra và cáo trạng nêu.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội và đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội *Trộm cắp tài sản*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị xử phạt bị cáo: 01 năm – 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 15/10/2019.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn nêu quan điểm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong lời khai sau cùng, bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Viện đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và hoạt động tố tụng

Quá trình điều tra, khởi tố, cơ quan tiến hành tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không khiếu nại về hoạt động tố tụng nên xác định hoạt động tố tụng và chứng cứ được thu thập là hợp pháp.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử nên không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 297 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai bị hại, người làm chứng cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Khoảng 23 giờ ngày 12 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Văn Tr, chưa được xóa án tích về tội trộm cắp tài sản đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thị Cẩm V là 02 cánh cửa nhôm có giá trị 1.650.411đ và trước đó, đã 03 lần thực hiện việc trộm cắp tài sản. Cụ thể: ngày 09/4/2019, đã trộm của anh Nguyễn Văn Ng 03 kết bia, trong đó còn 12 chai chưa sử dụng có giá trị 189.000đ; ngày 26, 27/8/2019, trộm của dì ruột là Nguyễn Thị L 01 vỏ bình ga trị giá 290.000đ, Lê Thị Mộng Tuyền 01 con ngỗng trị giá 520.000đ; ngày 11/10/2019, trộm của anh Lữ Nhựt Tr 05 cây mai vàng trị giá 3.000.000đ. Tổng giá trị tài sản 5.649.411đ thuộc trường hợp từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ và không thuộc trường hợp định khung tăng nặng nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều

173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Chỉ vì để có tiền sử dụng ma túy, trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã liên tục thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải bị xử phạt phù hợp để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo bao gồm: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai báo đầy đủ thể hiện sự thành khẩn. Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại kịp thời nên gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Đối với vợ bình ga của chị Nguyễn Thị L và con ngỗng của chị Lê Thị Mộng Tuyền không thu hồi được, chị Loan và chị Tuyền không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Thị Tài không yêu cầu bị cáo trả lại tiền bán cửa nhôm nên không xét.

Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 600.000đ tiền mua mai vì không biết tài sản do phạm tội mà có nên công nhận sự tự nguyện của bị cáo tại phiên tòa về việc trả lại tiền theo yêu cầu của anh Cường.

[4] Về xử lý vật chứng: 02 cánh cửa nhôm, 03 kết bia, 05 cây mai vàng, cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng là tài sản bị chiếm đoạt do hành vi phạm tội của bị cáo xong là phù hợp quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền thu nhập bất chính 1.058.000đ do bị cáo phạm tội mà có, trừ số tiền theo nghĩa vụ phải trả 600.000đ, còn lại 458.000đ là do phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp sung ngân sách nhà nước là phù hợp quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Kiến nghị khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm:

Đối với Huỳnh Văn N chưa đủ chứng cứ chứng minh có vai trò đồng phạm trộm cắp tài sản cùng với bị cáo nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa đề nghị xử lý là phù hợp. Tuy nhiên, Dương Thanh Sang có hành vi cùng thực hiện việc trộm cắp tài sản là 03 kết bia ngày 09/4/2019 cần phải được xử lý hành chính như đề nghị của Viện kiểm sát. Đồng thời, lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều thể hiện Dương Thanh Sang và Huỳnh Văn N đã cùng bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên có dấu hiệu vi phạm Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ. Do vậy, để góp phần khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm liên quan đến ma túy tại địa phương có chiều hướng không giảm. Căn cứ Điều 264 của Bộ luật tố tụng hình sự, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục xem xét xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật của Dương Thanh Sang, Huỳnh Văn N và thông báo cho người có thẩm quyền xử lý theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị kiểm sát viên và một phần yêu cầu của bị cáo, bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 106, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Tr** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Tr: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 15/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận, buộc bị cáo Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn C số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tr nộp 458.000đ (*bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng*) sung ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tr nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng: 500.000đ (*năm trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Cơ quan CSĐT - CA huyện T;
- Cơ quan THA hình sự huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Th;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu:VT; hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu